

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

NGÔI TRƯỜNG KIỂU MỚI ĐẦU THẾ KỶ 20,

ĐIỂM SON CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐINH XUÂN LÂM*

1. Đông Kinh Nghĩa Thục (ĐKNT) xuất hiện từ tháng 3-1907 tại Hà Nội, thủ phủ của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, đồng thời cũng là thủ phủ của xứ Bắc Kỳ, và bị nhà cầm quyền Pháp bắt đóng cửa vào tháng 12 năm đó, trước sau chỉ tồn tại có 9 tháng. Nhưng với những hoạt động phong phú và sáng tạo, đặc biệt là với ảnh hưởng lan tỏa nhanh chóng và sâu rộng, ĐKNT trong thực tế hoàn toàn không phải chỉ là một trường học theo lối mới, mà là một cuộc vận động văn hóa - tư tưởng - chính trị quan trọng, là cả một phong trào rộng lớn trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX.

Cứ theo đúng cái tên gọi hiển lành đăng ký với nhà cầm quyền Pháp thì đây chỉ là một trường học tư, có xin phép hoạt động một cách đàng hoàng, với mục tiêu làm "việc thiện" (nghĩa thực), học sinh không phải trả học phí, sách giáo khoa, tài liệu đều được phát không, nhà trường hoạt động hoàn toàn do sự ủng hộ, tán trợ của các hội viên, người giúp của, kẻ giúp công, rõ ràng là tuy không công khai nói ra nhưng mọi người đều hiểu ngầm đó là vì mục đích cứu nước. Mà cũng rõ ràng là việc

xuất hiện ĐKNT ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX đã bắt nguồn từ những điều kiện lịch sử nhất định. Dưới tác động của chương trình khai thác bóc lột thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) của tư bản Pháp được đẩy mạnh trên quy mô lớn, với tốc độ nhanh, một cách có hệ thống sau khi chiến tranh chinh phục và bình định đã hoàn tất (1858-1896), Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đã biến đổi ngày càng rõ rệt về cả hai mặt cấu trúc kinh tế và phân hóa xã hội. Chính sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội đã tạo cơ sở vật chất cần thiết để các trào lưu tư tưởng mới từ bên ngoài dội vào Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ trước. Trong hoàn cảnh sự phân hóa xã hội chưa thuần thực đầu thế kỷ XX, đứng ra tiếp thu các trào lưu tư tưởng mới - đây là tư tưởng tư sản từ ngoài đưa vào theo hai con đường Nhật Bản và Trung Quốc - lại chính là bộ phận sĩ phu yêu nước có xu hướng tiến bộ đã nhận thức được sự phá sản của văn minh học thuật cũ đặt trên nền tảng Nho giáo và hăm hở tiếp nhận văn minh học thuật mới là văn minh học thuật tư sản với tất cả hào quang của nó với mục đích khai hóa dân trí, nâng cao dân khí, làm cho dân giàu nước mạnh để đi

* GS. Đại học Quốc gia Hà Nội

hưng công thương nghiệp... nói tóm lại là những kiến thức mới mà học viên đang đòi hỏi, có thấy như vậy mới giải thích được tại sao mà có sự hồ hởi đón nhận của người nghe, tại sao mà có được cảnh tượng:

“Buổi diễn thuyết người đông như hội,

Kỳ bình văn khách đến như mưa”

Tất nhiên, ở đây ngoài nội dung tiến bộ của sách giáo khoa, còn có phương pháp truyền đạt nữa, thiết tưởng đó là những bài học lớn có thể nghiên cứu vận dụng vào công cuộc nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay.

Trong khi thực dân Pháp cố tâm tìm hãm dân tộc trong vòng lạc hậu về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa thì ĐKNT dũng cảm tấn công kịch liệt vào thành trì phong kiến trên lĩnh vực giáo dục văn hóa (như chống từ chương bác cổ, chống khoa cử, bài trừ hủ tục, hương ẩm, đề cao tư tưởng và học thuật mới) là một công tác có tính cách mạng. Đây chính là một nhu yếu, một tiền đề của phong trào dân tộc trong lúc đang chuyển qua giai đoạn mới, rất có lợi và rất cần thiết trong cuộc vận động cách mạng nói chung. Chính kẻ thù đã sớm nhận thấy bản chất cách mạng, sự nguy hiểm cho chế độ thuộc địa của chúng rằng: “Không còn là một câu chuyện hoang đường khi khẳng định rằng ĐKNT đã là một cái lò phiến loạn ở Bắc Kỳ” để sớm ra tay đàn áp.

Nói đến sách giáo khoa của ĐKNT, cũng cần nhấn mạnh một điều là không chỉ bao gồm các trước tác được biên soạn trong giai đoạn nhà trường hoạt động, từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1907, mà còn mở rộng ra cả trước và sau thời kỳ đó. Cuốn sách giáo khoa quan trọng của ĐKNT là *Văn minh tân học sách* đã được biên soạn từ năm 1904, ngay cuốn sách *Nhân đạo quyền hành* (Mục cân đạo người) của Hồ Phi Huyền được hoàn thành năm 1928 và ra

mắt bạn đọc trên Báo *Nam Phong* từ 1930 đến 1933, bản quốc văn do tác giả tự dịch in trên tuần báo *Thanh Nghệ Tĩnh* năm 1934 và năm 1936 được xuất bản thành sách, cũng có thể xếp vào hệ thống sách giáo khoa của ĐKNT vì cùng chung một nội dung và một mục tiêu. Có một điều nữa cũng cần lưu ý bạn đọc ngày nay, đó là khi đọc một số sách giáo khoa của ĐKNT, khó tránh khỏi cảm giác cảm phục, các cụ đã đề cập tới những kiến thức hoàn toàn mới một cách tự tin, đặc biệt là những kiến thức về Kinh tế học, như về lý do tư bản tăng hay giảm, về mậu dịch, thông thương, tiền tệ, ngân hàng, trái phiếu, hối phiếu, chiết khấu ngân hàng, đến cả “séc (sao phiếu), công ty..., những kiến thức mà đến tận bây giờ không phải mọi người đều nắm vững. Tất nhiên đây là các cụ dựa vào các tân thư Trung Quốc, Nhật Bản và chắc rằng các cụ cũng chưa thật hiểu hết nội dung các vấn đề, và cũng chưa có cơ hội để áp dụng các công việc đó; nhưng điều cần ghi nhận ở đây là qua việc làm đã thể hiện được nhiệt tâm của các cụ, vừa học vừa làm là phương châm hành động của các cụ, đó cũng là một bài học lớn, thiết thực cho chúng ta ngày nay.

Cũng chính do những đóng góp của ĐKNT trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền cổ động cho văn hóa - giáo dục mới qua các sách giáo khoa mà chính quyền Pháp thấy rõ sự nguy hại đối với nền thống trị của chúng. Để đối phó lại, chúng đã phải lập ra Hội đồng tu thư tập hợp một số quan lại, trong số đó có một số có thực học và uy tín như Dương Lâm, Đoàn Triển, nhưng cũng có một số người không xứng đáng với nhiệm vụ được giao để biên soạn sách giáo khoa của Nha học chính, cái Hội đồng tu thư này đã bị văn thơ đương thời cực lực công kích, lên án, đặc biệt nhà thơ Nguyễn Thiện Kế (Huyện Nế) đã có bài

“Vịnh Ban Tu thư” với những câu phê phán quyết liệt:

“Khéo khéo tu thư một lũ mừng,
 Cũng thì chữ nghĩa với văn chương.
 Bõ già gõ nhịp Tâm (3) là sỏ,
 Con trẻ ngồi trơ, Đại (4) cũng lương.
 Nước bạc cha Thành (5), men chú Tích (6),
 Gióng phò cụ Triển (7), khóc anh Dương (8).
 Thêm thằng Hồ (9) dốt, thằng Ngô (10) đại,
 Mất nước trời ôi rất một phường”.

Nhưng ở đây lại cũng cần nêu lên một cách ứng xử linh hoạt, khôn khéo của ĐKNT là một số tài liệu giáo khoa do Hội đồng Tu thư của Nha Học chính xuất bản, cùng với những bản đồ, tranh vẽ cách trí, địa lý treo tường, mua ở Nhật Bản hay Trung Quốc cũng được bổ sung cho thư viện ĐKNT, phục vụ cho việc giảng dạy của nhà trường. Đây thiết tưởng cũng là một kinh nghiệm tốt cho việc xây dựng thư viện và cơ sở học cụ, thiết bị giảng dạy cho các trường hiện nay trong việc mở rộng diện sách tham khảo và tăng cường thiết bị phục vụ nội dung bài giảng.

4. Cuối cùng là vấn đề xác định ĐKNT là một phong trào độc lập của miền Bắc hay là một bộ phận của phong trào Duy Tân chung cho cả nước. Về vấn đề này, trước đây và ngay tới ngày nay vẫn có chủ trương rằng: “Phong trào Duy Tân là một tổ chức nhất quán (tuy lỏng lẻo từ Bắc chí Nam - mỗi miền vẫn có nét đặc thù - chứ không phải có Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Trường Dục Thanh, công ty Liên Thành, Triều Dương thư điểm, Triều Dương thương điểm, Hội Minh Tân... riêng biệt nào cả” (11).

Để giải quyết được vấn đề này, thiết tưởng cần đi sâu phân tích nghiên cứu các đặc thù

từng miền- ngay người chủ trương chỉ là một tổ chức nhất quán - như lời trích dẫn trên cho thấy, cũng công nhận “mỗi miền” vẫn có nét đặc thù” - thì mới có thể đi tới một kết luận dứt khoát và đúng đắn được.

Trước hết phải thấy giữa miền Trung và miền Bắc, nói cụ thể hơn là giữa Quảng Nam và Hà Nội là trung tâm khởi phát của phong trào đôi nơi cũng có khác nhau. Phong trào Duy Tân bùng nổ trước tiên và mạnh nhất ở Quảng Nam, điều đó cũng dễ hiểu. Nhưng đô thị chính của miền Nam xứ Trung Kỳ như Đà Nẵng, Hội An dưới thời phong kiến, nhất là thời chúa Nguyễn, đã có lúc trở thành những trung tâm hoạt động kinh tế khá phồn thịnh. Đến lúc Pháp thuộc, với chính sách khai thác thuộc địa của bè lũ cướp nước, Quảng Nam cũng là một khu vực quan trọng. Do đó cơ sở kinh tế mới dọn đường cho tư tưởng tư sản tràn vào đã có từ sớm, ngày càng phát triển và củng cố. Thêm vào đó, sĩ phu Trung Kỳ từ cuối thế kỷ XIX đã làm quen ngày càng sâu sắc với tư tưởng tư sản Âu, Tây qua các Tân thư, Tân báo từ Trung Quốc sang, từ Nhật Bản tới với sự môi giới của cộng đồng người Hoa sinh cơ lập nghiệp ở đây từ lâu đời. Đặc biệt hơn nữa là sống bên cạnh chính quyền phong kiến nhà Nguyễn đã trở thành tay sai ngoan ngoãn của Pháp, các sĩ phu yêu nước miền Trung càng có điều kiện để chứng kiến sự sa đọa cùng cực của triều đình Huế, sự thối nát của bọn quan lại tay sai. Tất cả những điều kiện trong và ngoài đó đã giúp cho các sĩ phu Trung Kỳ sớm giác ngộ nhiệm vụ của mình là những trí thức theo hướng dân chủ tư sản. Trong khi đó thì ở ngoài miền Bắc, giới sĩ phu tiếp xúc với tư tưởng mới có phần chậm hơn. Đã vậy, một bộ phận đàn áp kim kẹp, khai thác bóc lột khổng lồ từ rất sớm đã bao trùm và đè nặng trên đầu nhân dân, lại

tự cường, tự lập. Tám gương Nhật Bản cũng là nước đồng văn đồng chủng với mình, mới đánh bại Nga một trong bốn “thần tượng” của thế giới cũ (Anh, Nga, Pháp, Phổ) là một tám gương chói lọi, rực rỡ như mặt trời chói sáng phương Đông. Đối với bộ phận sĩ phu yêu nước tiến bộ của Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX, rõ ràng việc giáo hóa dân chúng là điều kiện đầu tiên để tiến lên giải phóng dân tộc. Việc thành lập ĐKNT để truyền bá tư tưởng mới, bồi dưỡng và đề cao tinh thần yêu nước, gây một phong trào sâu rộng trong nhân dân chính là nằm trong mạch tư duy đổi mới đó. Không phải là ai khác, chính nhà yêu nước Phan Bội Châu - tuy là người đứng đầu phái bạo động - trong thời gian hoạt động trên đất Nhật Bản năm 1906 cũng đã nói lên sự thật lịch sử đó:

“Nếu đồng bào ta bị bạc đãi, đè nén như hiện nay, chính bởi vì không học tập nên không có học thức và thông minh bằng nhân dân các nước; vì vậy mà chúng ta đã mất nước... Người Nhật đã từ bỏ phong tục cũ và đi theo con đường tiến bộ: họ sẽ mở trường dạy con em nhân dân học” (1).

Chúng ta đều biết rằng ĐKNT là mô phỏng “Khánh Ứng Nghĩa Thục” (Keio-Gijuku) của Phúc Trạch Dụ Cát (Fukugawa Yukuchi, 1835-1901) được thành lập ở Nhật Bản từ năm 1858.

2. Điểm thứ hai được đặt ra khi nghiên cứu ĐKNT, đó là phải đặt sự kiện đó trong bối cảnh truyền thống lịch sử dân tộc, nói một cách khác là ĐKNT xuất hiện ở Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX là một hiện tượng độc đáo, nhưng nó vẫn không thoát ly truyền thống đổi mới của dân tộc, vẫn nằm trong truyền thống đổi mới của dân tộc. Nghiên cứu lịch sử dân tộc, có thể khẳng định đổi mới là một yêu cầu thường trực

mang tính quy luật. Xuyên qua chiều dài lịch sử dân tộc, chúng ta thấy rõ là trên nền tảng một tinh thần yêu nước sâu sắc và mãnh liệt, mỗi khi đất nước, dân tộc bị đặt trước những khó khăn, thách thức to lớn tưởng chừng không thể vượt qua nổi, bao giờ cũng có một số người thức thời - họ là những trí thức của dân tộc trong thời đại đó - đầu tư suy nghĩ để tìm ra biện pháp đưa dân tộc, đất nước ra khỏi cơn nguy khốn. Hiện tượng đẹp đẽ này từ thời kỳ phong kiến sang thời kỳ cận hiện đại đều có, nếu chỉ giới hạn trong thời kỳ nhà Nguyễn - triều đại phong kiến cuối cùng của nước ta - thì cũng đã sáng chói lên những nhân vật tiêu biểu như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, Đặng Huy Trứ... Tất cả những con người đó dù cho có khác nhau về mặt này, mặt nọ, nhưng đều thống nhất nhận định là ý thức hệ Nho giáo đã đi vào con đường bế tắc, không thể được sử dụng như một vũ khí cứu nước của thời chống Minh, phá Nguyên, bình Thanh nữa, mà bằng bất cứ giá nào phải tìm ra con đường cứu nước mới. Vì vậy mới có một sự hồ hởi, hào hứng đón chào tư tưởng mới từ bên ngoài vào để rồi tìm cách vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước đang được đặt ra, nhằm mục đích tối thượng là đưa đất nước, dân tộc tiến lên. Trong một chừng mực nào đó, chúng ta vẫn có thể xem đó như là một cố gắng hội nhập vào bối cảnh mới vì lợi ích tối cao của đất nước, của dân tộc. Trên cơ sở nhận thức như vậy, có thể nói rằng công cuộc đổi mới mà Đảng ta phát động, đang tiến hành và đã mang lại những kết quả rõ rệt đáng mừng hiện nay, đó là sự tiếp nối và phát triển lên một trình độ cao hơn, trong những điều kiện mới, truyền thống Duy tân, Cải cách, Đổi mới của dân tộc.

3. Vấn đề thứ ba là mối quan hệ giữa ĐKNT ngoài Bắc với phong trào Duy tân miền Trung. Chúng ta đều biết rằng phong trào Duy Tân miền Trung có sớm hơn. Ngay từ thượng tuần tháng 4 Âm lịch năm 1904 hội Duy Tân đã được thành lập tại Quảng Nam, tại nhà Tiểu la Nguyễn Hàm, với sự có mặt của chủ nhà Nguyễn Hàm, Phan Bội Châu và nhiều đồng chí cùng quê Nghệ Tĩnh của ông là Lê Võ, Đặng Tú Kính, Đặng Thái Thân, có cả Kỳ ngoại hầu Cường Để đã được bầu làm hội chủ ngay trong cuộc họp lịch sử này. Chúng ta cũng đều biết là sau khi Hội thành lập, mục đích của Hội vẫn không có gì khác trước là: “Cốt sao khôi phục được Việt Nam lập ra một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa khác cả” (2). Trong hội nghị thành lập hội Duy Tân, đã quyết định ba nhiệm vụ trước mặt là phát triển thế lực Hội về người cũng như về tài chính, xúc tiến việc chuẩn bị bạo động và các công việc sau khi phát ra việc bạo động, chuẩn bị xuất dương cầu viện, xác định phương châm và thủ đoạn xuất dương, và ngay sau đó Phan Bội Châu và Tăng Bạt Hổ lên đường sang Nhật cầu viện. Cũng tại Quảng Nam vào thời kỳ đó, ngoài xu hướng thứ nhất là bạo động chống Pháp với tổ chức Duy Tân hội, do Tiểu la Nguyễn Thành trực tiếp phụ trách, còn có loại hình thứ hai là phong trào Duy tân tự cường với khẩu hiệu “Khai trí tự sinh, tinh xạ, sùng kiệm...” với nhóm lãnh đạo là Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng ở miền Trung, Nguyễn An Khương và Trần Chánh Chiếu ở Nam Kỳ. Phong trào Duy Tân này bắt nguồn từ rất sớm từ năm 1903 đã lan tràn khắp các tỉnh miền Trung, cuối cùng dẫn tới sự bùng nổ của phong trào chống thuế rung động cả miền Trung làm cho thực dân Pháp và phong kiến tay sai vô cùng khiếp đảm, huy động được hàng vạn nông dân tham gia,

tiến dần tới những cuộc bạo động có tính chất khởi nghĩa đoạt chính quyền. Trong khi đó thì ĐKNT ở ngoài Bắc phải đến tháng 3-1907 mới ra đời. Như vậy là xét theo mặt thời gian thì ĐKNT ra đời muộn hơn, nhưng trong thực tế thì ĐKNT cũng bắt nguồn từ tư tưởng duy tân đổi mới lúc đó đang lan tràn, phát triển trên toàn quốc. Chính vì vậy mà mới nhìn qua có thể tưởng đây là những phong trào tách rời, nhưng sự thật thì cũng đều bắt nguồn từ tư tưởng duy tân đổi mới, và giữa phong trào Duy Tân miền Trung với ĐKNT ngoài Bắc vẫn có một mối quan hệ hữu cơ. Chỉ riêng việc Phan Châu Trinh - một trong số những người cầm đầu phong trào Duy Tân ở Quảng Nam - cũng ra Hà Nội giảng bài tại ĐKNT cho thấy giữa phong trào Duy tân miền Trung với ĐKNT ngoài Bắc là cùng chung một gốc, đó là cái gốc yêu nước chống sự thống trị của ngoại bang, hướng tới giải phóng dân tộc. Chỉ có điều cần nhấn mạnh, đó là miền Trung nặng về hoạt động thực tiễn mà miền Bắc nghiêng về lý luận. Chỉ cần căn cứ vào con số và nội dung các sách giáo khoa của ĐKNT thì thấy rõ điều này. Chương trình của nhà trường dựa theo đường lối “tân học” của Trung Quốc và Nhật Bản, dạy cách trí, toán pháp, địa lý, lịch sử, văn chương, công dân giáo dục, kể cả thể thao thể dục. Sách giáo khoa đối với các lớp trên học sinh đã nhiều tuổi và đã thông chữ Hán - có người đã từng lều chõng đi thi - thì dùng ngay các “Tân thư” của Trung Quốc làm tài liệu giảng dạy. Còn đối với lớp học sinh nhỏ tuổi ở các lớp dưới thì nhà trường chủ động soạn ra một số sách chữ Hán và chữ Quốc ngữ làm tài liệu học tập và tuyên truyền cổ động ra ngoài. Nội dung chủ yếu các trước tác của ĐKNT nhằm đả phá những tư tưởng lạc hậu của đám sĩ phu thủ cựu, kêu gọi học quốc ngữ, khoa học kỹ thuật mới, chú trọng thực nghiệp, chấn

hưng công thương nghiệp... nói tóm lại là những kiến thức mới mà học viên đang đòi hỏi, có thấy như vậy mới giải thích được tại sao mà có sự hồ hởi đón nhận của người nghe, tại sao mà có được cảnh tượng:

“Buổi diễn thuyết người đông như hội,
Kỳ bình văn khách đến như mưa”

Tất nhiên, ở đây ngoài nội dung tiến bộ của sách giáo khoa, còn có phương pháp truyền đạt nữa, thiết tưởng đó là những bài học lớn có thể nghiên cứu vận dụng vào công cuộc nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay.

Trong khi thực dân Pháp cố tâm kìm hãm dân tộc trong vòng lạc hậu về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa thì ĐKNT dũng cảm tấn công kịch liệt vào thành trì phong kiến trên lĩnh vực giáo dục văn hóa (như chống từ chương bác cổ, chống khoa cử, bài trừ hủ tục, hương ẩm, đề cao tư tưởng và học thuật mới) là một công tác có tính cách mạng. Đây chính là một nhu yếu, một tiền đề của phong trào dân tộc trong lúc đang chuyển qua giai đoạn mới, rất có lợi và rất cần thiết trong cuộc vận động cách mạng nói chung. Chính kẻ thù đã sớm nhận thấy bản chất cách mạng, sự nguy hiểm cho chế độ thuộc địa của chúng rằng: “Không còn là một câu chuyện hoang đường khi khẳng định rằng ĐKNT đã là một cái lò phiếu loạn ở Bắc Kỳ” để sớm ra tay đàn áp.

Nói đến sách giáo khoa của ĐKNT, cũng cần nhấn mạnh một điều là không chỉ bao gồm các trước tác được biên soạn trong giai đoạn nhà trường hoạt động, từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1907, mà còn mở rộng ra cả trước và sau thời kỳ đó. Cuốn sách giáo khoa quan trọng của ĐKNT là *Văn minh tân học sách* đã được biên soạn từ năm 1904, ngay cuốn sách *Nhân đạo quyền hành* (Mục cân đạo người) của Hồ Phi Huyền được hoàn thành năm 1928 và ra

mắt bạn đọc trên Báo *Nam Phong* từ 1930 đến 1933, bản quốc văn do tác giả tự dịch in trên tuần báo *Thanh Nghệ Tĩnh* năm 1934 và năm 1936 được xuất bản thành sách, cũng có thể xếp vào hệ thống sách giáo khoa của ĐKNT vì cùng chung một nội dung và một mục tiêu. Có một điều nữa cũng cần lưu ý bạn đọc ngày nay, đó là khi đọc một số sách giáo khoa của ĐKNT, khó tránh khỏi cảm giác cảm phục, các cụ đã đề cập tới những kiến thức hoàn toàn mới một cách tự tin, đặc biệt là những kiến thức về Kinh tế học, như về lý do tư bản tăng hay giảm, về mậu dịch, thông thương, tiền tệ, ngân hàng, trái phiếu, hối phiếu, chiết khấu ngân hàng, đến cả “séc (sao phiếu), công ty..., những kiến thức mà đến tận bây giờ không phải mọi người đều nắm vững. Tất nhiên đây là các cụ dựa vào các tân thư Trung Quốc, Nhật Bản và chắc rằng các cụ cũng chưa thật hiểu hết nội dung các vấn đề, và cũng chưa có cơ hội để áp dụng các công việc đó; nhưng điều cần ghi nhận ở đây là qua việc làm đã thể hiện được nhiệt tâm của các cụ, vừa học vừa làm là phương châm hành động của các cụ, đó cũng là một bài học lớn, thiết thực cho chúng ta ngày nay.

Cũng chính do những đóng góp của ĐKNT trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền cổ động cho văn hóa - giáo dục mới qua các sách giáo khoa mà chính quyền Pháp thấy rõ sự nguy hại đối với nền thống trị của chúng. Để đối phó lại, chúng đã phải lập ra Hội đồng tu thư tập hợp một số quan lại, trong số đó có một số có thực học và uy tín như Dương Lâm, Đoàn Triển, nhưng cũng có một số người không xứng đáng với nhiệm vụ được giao để biên soạn sách giáo khoa của Nha học chính, cái Hội đồng tu thư này đã bị văn thơ đương thời cực lực công kích, lên án, đặc biệt nhà thơ Nguyễn Thiện Kế (Huyện Nê) đã có bài

“Vịnh Ban Tu thư” với những câu phê phán quyết liệt:

“Khéo khéo tu thư một lũ mừng,
 Cũng thì chữ nghĩa với văn chương.
 Bõ già gõ nhịp Tâm (3) là số,
 Con trẻ ngồi trơ, Đại (4) cũng lương.
 Nước bạc cha Thành (5), men chú Tích (6),
 Gióng phò cụ Triển (7), khóc anh Dương (8).
 Thêm thằng Hồ (9) dốt, thằng Ngô (10) dại,
 Mất nước trời ôi rặt một phường”.

Nhưng ở đây lại cũng cần nêu lên một cách ứng xử linh hoạt, khôn khéo của ĐKNT là một số tài liệu giáo khoa do Hội đồng Tu thư của Nha Học chính xuất bản, cùng với những bản đồ, tranh vẽ cách trí, địa lý treo tường, mua ở Nhật Bản hay Trung Quốc cũng được bổ sung cho thư viện ĐKNT, phục vụ cho việc giảng dạy của nhà trường. Đây thiết tưởng cũng là một kinh nghiệm tốt cho việc xây dựng thư viện và cơ sở học cụ, thiết bị giảng dạy cho các trường hiện nay trong việc mở rộng diện sách tham khảo và tăng cường thiết bị phục vụ nội dung bài giảng.

4. Cuối cùng là vấn đề xác định ĐKNT là một phong trào độc lập của miền Bắc hay là một bộ phận của phong trào Duy Tân chung cho cả nước. Về vấn đề này, trước đây và ngay tới ngày nay vẫn có chủ trương rằng: “Phong trào Duy Tân là một tổ chức nhất quán (tuy lỏng lẻo từ Bắc chí Nam - mỗi miền vẫn có nét đặc thù - chứ không phải có Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Trường Dục Thanh, công ty Liên Thành, Triêu Dương thư điểm, Triêu Dương thương điểm, Hội Minh Tân... riêng biệt nào cả” (11).

Để giải quyết được vấn đề này, thiết tưởng cần đi sâu phân tích nghiên cứu các đặc thù

từng miền- ngay người chủ trương chỉ là một tổ chức nhất quán - như lời trích dẫn trên cho thấy, cũng công nhận “mỗi miền” vẫn có nét đặc thù” - thì mới có thể đi tới một kết luận dứt khoát và đúng đắn được.

Trước hết phải thấy giữa miền Trung và miền Bắc, nói cụ thể hơn là giữa Quảng Nam và Hà Nội là trung tâm khởi phát của phong trào đôi nơi cũng có khác nhau. Phong trào Duy Tân bùng nổ trước tiên và mạnh nhất ở Quảng Nam, điều đó cũng dễ hiểu. Nhưng đô thị chính của miền Nam xứ Trung Kỳ như Đà Nẵng, Hội An dưới thời phong kiến, nhất là thời chúa Nguyễn, đã có lúc trở thành những trung tâm hoạt động kinh tế khá phồn thịnh. Đến lúc Pháp thuộc, với chính sách khai thác thuộc địa của bè lũ cướp nước, Quảng Nam cũng là một khu vực quan trọng. Do đó cơ sở kinh tế mới dọn đường cho tư tưởng tư sản tràn vào đã có từ sớm, ngày càng phát triển và củng cố. Thêm vào đó, sĩ phu Trung Kỳ từ cuối thế kỷ XIX đã làm quen ngày càng sâu sắc với tư tưởng tư sản Âu, Tây qua các Tân thư, Tân báo từ Trung Quốc sang, từ Nhật Bản tới với sự môi giới của cộng đồng người Hoa sinh cơ lập nghiệp ở đây từ lâu đời. Đặc biệt hơn nữa là sống bên cạnh chính quyền phong kiến nhà Nguyễn đã trở thành tay sai ngoan ngoãn của Pháp, các sĩ phu yêu nước miền Trung càng có điều kiện để chứng kiến sự sa đọa cùng cực của triều đình Huế, sự thối nát của bọn quan lại tay sai. Tất cả những điều kiện trong và ngoài đó đã giúp cho các sĩ phu Trung Kỳ sớm giác ngộ nhiệm vụ của mình là những trí thức theo hướng dân chủ tư sản. Trong khi đó thì ở ngoài miền Bắc, giới sĩ phu tiếp xúc với tư tưởng mới có phần chậm hơn. Đã vậy, một bộ phận đàn áp kìm kẹp, khai thác bóc lột khổng lồ từ rất sớm đã bao trùm và đè nặng trên đầu nhân dân, lại

thêm truyền thống đấu tranh vũ trang yêu nước kéo dài mãi cho đến hết thế kỷ XIX trong khi các phong trào đấu tranh vũ trang của miền Trung và miền Nam đã bị thực dân Pháp đàn áp bóp chết từ rất sớm nên xu thế nghiêng về bạo động của phong trào là điều tự nhiên. ĐKNT tuy là một tổ chức thuộc xu hướng cải cách đổi mới, nhưng có quan hệ chặt chẽ với phái bạo động, phái Đông Du. Trong thực tế hoạt động, đã có những mối quan hệ mật thiết giữa ĐKNT và phong trào Đông Du, trong phong trào ĐKNT tuy xu hướng cải cách là chính, nhưng không vì thế mà hoàn toàn không có xu hướng bạo động. Giữa hai phong trào Đông Du và ĐKNT đã có những mối liên hệ mật thiết, như các cơ sở của ĐKNT là cơ sở kinh tài giúp cho phong trào Đông Du hay là những cơ sở đón tiếp các học sinh Đông Du trên đường xuất dương. Có thể khẳng định rằng bạo động và cải lương chỉ là hai mặt của một nội dung duy nhất là lòng yêu nước căm thù giặc, cả hai phong trào đó nhằm mục đích giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của ngoại bang về kinh tế cũng như

chính trị. Mà ngay phong trào Duy Tân miền Trung thì xu hướng chủ yếu là cải cách đổi mới để “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, nhưng trên con đường phát triển của nó cuối cùng cũng đi tới bạo động. Đó là một sự phát triển có tính tất yếu đặt trong hoàn cảnh một đất nước bị ngoại bang thống trị mà mâu thuẫn giữa dân tộc mất độc lập với đế quốc xâm lược là không thể điều hòa.

Để có một đánh giá đúng đắn và trọn vẹn, có thể khẳng định rằng ĐKNT là một mốc son trên con đường xây dựng nền giáo dục Việt Nam, một quá trình đầy khó khăn và thử thách, nền giáo dục Việt Nam cho tới nay những khó khăn và thử thách vẫn còn nhiều và đang đòi hỏi được sớm giải quyết để đưa đất nước tiến lên. Những bài học có tính cập nhật và hiệu quả của ĐKNT vẫn cần được nghiên cứu và vận dụng một cách nghiêm túc, có sáng tạo và nâng cao để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng một nền giáo dục cách mạng tiên tiến, theo đúng phương châm giáo dục là quốc sách hàng đầu của Đảng và Chính phủ hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Dẫn theo: Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự. *Lịch sử Việt Nam (từ 1897 đến 1914)*. Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 1957, tr. 223.

(2). Phan Bội Châu. *Tự phê phán*. Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1956.

(3). Đỗ Văn Tâm, đậu Tiến sĩ, đứng đầu Ban Tu thư.

(4). Dương Văn Đại, còn trẻ, không làm được việc, chỉ ngồi ăn lương.

(5). Bùi Hương Thành, nguyên Tuần phủ Sơn Tây, nổi tiếng cờ bạc.

(6). Nguyễn Tái Tích, đậu Phó bảng, Đốc học Sơn Tây, nổi tiếng uống rượu.

(7). Đoàn Triển, nguyên Tuần phủ Ninh Bình. Có tờ trình gửi Thống sứ Bắc Kỳ về cải cách giáo

dục. Chính ông đã đề nghị với chính quyền Pháp thành lập Hội đồng Tu thư để viết sách giáo khoa theo tinh thần cải cách.

(8). Dương Lâm, Tuần phủ Thái Bình, tác giả một số sách giáo khoa (*Ấu học, Hán tự tân thư, Trung học Ngũ kinh toát yếu, Văn sách tân thức hợp tuyển*).

(9). Hồ, còn gọi là Ấm Võ, có chân Ấm sinh, bị đánh giá là dốt nát.

(10). Ngô Giáp Đậu, đậu Hoàng giáp, Giáo thụ phủ Hoài Đức.

(11). Nguyễn Quyết Thắng. *Phong trào Duy tân - Các khuôn mặt tiêu biểu*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 6-7.